

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 49/2021/HS-ST

Ngày 24/8/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiếu, nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Bà Phan Thị Hạnh Mỹ, nghề nghiệp: Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định xét xử số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 10/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ, sinh ngày 31/7/2004. Nơi sinh: Xã NH, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn NLN, xã NH, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L2 (đã chết) và bà Quảng Thị Th; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2020, bị Công an huyện T1 xử phạt hành chính về hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Ngày 05/7/2021 bị Công an huyện T1 khởi tố, ra lệnh bắt tạm giam theo lệnh số 28 do phạm tội cướp tài sản (bắt tạm giam ngày 06/7/2021); bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hải L, sinh ngày 11/5/2000. Nơi sinh: Xã NH1, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn ĐQ, xã NH1, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3 và bà Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 24/5/2001. Nơi sinh: Xã NH, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn AH, xã NH, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang Th và bà Đoàn Thị T; bị cáo chưa có

vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Hiền L1, sinh ngày 15/7/1993. Nơi sinh: Xã TS (nay là thị trấn T1), huyện T1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố số x, Thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức Th2 (đã chết) và bà Bùi Thị G; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2005, trú tại thôn ĐĐ, xã NT, huyện T1 (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998, trú tại thôn ĐĐ, xã NT, huyện T1 (anh H1 là anh trai của anh H) (vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPL NN tỉnh Thái Bình (có mặt).

Địa chỉ: Số x Phố H, Phường L, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn Đ: Bà Quàng Thị Th, sinh năm 1986; trú tại thôn NLN, xã NH, huyện T1, tỉnh Thái Bình (bà Th là mẹ đẻ của bị cáo Đ) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988, trú tại thôn ĐĐ, xã NT, huyện T1; anh Chu Tuấn V, sinh năm 1992, trú tại thôn TN, xã AN, huyện T1 (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 2001, trú tại tổ dân phố số x, thị trấn T1; anh Phạm Tuấn M, sinh năm 2005, trú tại thôn VT, xã NT, huyện T1 (chị Nh có mặt, anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài và bức tức vì Nguyễn Văn H, sinh năm 2005 trú tại thôn ĐĐ, xã NT để cho đi bộ nên rạng sáng ngày 13/5/2021 trong lúc đi bộ từ ngã ba xã TP về nhà Lê Hiền L1 để ngủ nhờ, Trần Văn Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên rủ Nguyễn Hải L lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của H để cầm lấy tiền tiêu xài. L đồng ý. Khi đến nhà L1, L nói cho L1 biết việc L và Đ bàn nhau lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của H, sau đó đi ngủ. Khoảng 8 giờ cùng ngày, Đ nhắn tin cho H là lên thị trấn T1 để đi lấy Đ thoại H cầm hôm trước với mục đích lừa H đi xe máy lên để lừa lấy xe của H. Do H không trả lời nên Đ và L đi về nhà Đ ngủ. Đến 14 giờ cùng ngày, L một mình đi xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 17x-z của L lên nhà L1 chơi và tiếp tục nói với L1 về việc sẽ lừa lấy xe máy của H. Đến khoảng 17 giờ, H nhắn tin trả lời là đang lên thị trấn T1, Đ thông báo cho L1 và L biết, sau đó Đ nói và rủ Nguyễn Đăng Kh đi lên thị trấn T1 tham gia lừa đảo cùng,

Kh đồng ý. Sau khi Đ thông tin, L1 điều khiển xe mô tô của L chở L đi ra khu đô thị TD để gặp H tại đó. Trên đường đi L dặn L1 sau khi gặp H thì L1 đi về trước để L ở lại xử lý. L1 hiểu ý của L là bảo L1 đi xe máy về trước để L có lý do mượn xe của H. Khi đi qua ngã tư TD khoảng 200m, L1 và L gặp H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware α màu xanh đen bạc, không gắn biển kiểm soát (mượn của anh trai H là Nguyễn Văn H1) chở bạn là Phạm Tuấn M, sinh năm 2005 ở thôn VT, xã NT, huyện T1 đi ngược chiều. L1 và L gọi rồi bảo H đi ra khu đô thị TD đứng chờ khoảng 5 - 10 phút thì Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17y – xx (của mẹ Đ) chở Kh đến. Cả nhóm đứng nói chuyện với nhau khoảng 10 phút thì L và Đ lấy xe máy đi một vòng qua ngã tư TD để bàn cách lừa lấy xe của H. Khi quay lại khu đô thị TD, L và Đ bảo L1 là vừa gặp vợ L1, vợ L1 gọi L1 về. Hiểu ý Đ và L nên L1 điều khiển xe mô tô của L đi một mình về nhà. Sau khi L1 đi, L điều khiển xe mô tô của Đ chở Kh đến nhà L1 để Kh biết nhà và bảo Kh mượn xe của H rồi đi đến nhà L1 để mang đi cấm. Sau đó L chở Kh quay lại khu đô thị TD rồi nói dối đi hỏi Đ thoại cho H và điều khiển xe của Đ đi một mình về nhà L1. Lúc này tại khu đô thị TD chỉ còn xe mô tô của H, Kh lấy lý do phải về nhà nghỉ TL ở xã NT để đón bạn nên hỏi H mượn xe. H không muốn cho mượn thì Đ bảo H cho Kh mượn xe đi một lúc còn Đ ở lại với H. Nghe vậy H đồng ý cho Kh mượn xe. Kh đi xe của H về nhà L1 bảo L1 và L làm gì thì làm, cấm đâu thì cấm. Sau khi ăn uống xong, do không có giấy tờ xe của H, L không cấm được nên bảo L1 tìm chỗ cấm. L1 đồng ý và nhắn tin cho anh Chu Tuấn V, sau đó L1 đi xe của H còn L và Kh đi xe của L đến nhà V, L và Kh đứng ngoài còn L1 vào gặp anh V. Do là chỗ quen biết nên anh V nhận lời cho L1 vay 2.500.000 đồng, tiền chuyển vào tài khoản của L1, đồng thời giữ lại chiếc xe của H để làm tin. Khoảng 30 phút chưa thấy L1 ra nên Kh lấy xe của L đi ra khu đô thị TD. Tại đây H hỏi Kh xe của H đâu thì Kh nói dối là L mượn, sau đó Kh chở H và Minh về nhà bạn H ở xã NC rồi Kh và Đ quay lại nhà L1. Lúc này L1 và L cũng đã về nhà. Do chưa rút tiền trong tài khoản nên L1 bỏ ra trước 500.000 đồng để cả nhóm cùng nhau tiêu xài. Còn 2.000.000 đồng, L1 bảo Kh, L, Đ là sẽ rút sau để cả bọn tiêu xài chung đến ngày 14/5/2021 L1 rút và tiêu xài một mình hết số tiền đó, không chia cho ai.

Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T1 kết luận: xe mô tô Honda Ware α mua năm 2017, giá trị còn lại là 9.800.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh, Lê Hiền L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Lời khai của những người làm chứng:

Chị Nguyễn Thanh Nh trình bày: Chị là vợ của Lê Hiền L1, sáng ngày 13/5/2021 chị đi làm ở Công ty T tại khu công nghiệp T1, 14h cùng ngày chị về nhà thấy chồng chị ở nhà, chị đi chơi nhà hàng xóm đến 18h về thấy chồng chị ở nhà và có 01 xe máy Dream (chị không nhớ biển kiểm soát) dựng ở nhà chị. Một lúc sau chị thấy L đi xe mô tô RSX màu đỏ đến nhà chị, 05 phút sau có 01 thanh niên khoảng 20-25 tuổi là bạn chồng chị đi một xe mô tô Wave màu xanh đến nhà chị. Sau đó chị đến nhà mẹ đẻ tại Tổ dân phố TS, thị trấn T1 chơi, khoảng 21h chị về không thấy chồng ở nhà và cửa khóa nên chị gọi Đ, một lúc sau thì L1 về. Theo chị Nh, vào chiều ngày 13/5/2021, chị không gặp L và Đ và nhờ gọi L1 về. L và Đ là bạn của chồng chị.

Anh Phạm Tuấn M trình bày: Khoảng 17h ngày 13/5/2021, anh được bạn là Nguyễn Văn H rủ lên thị trấn T1 chơi. Anh cùng H, L, L1 đi ra khu đô thị TD đứng khoảng 05 phút sau có anh Đ và anh Kh ở xã NH đến, nói chuyện một lúc thì thấy L rủ Kh đi đâu đó một lúc rồi lại quay lại. L1 lấy xe máy của L đi về. Sau đó Kh hỏi mượn xe H, sau đó Kh đi xe của H, lúc này còn anh M, H, Đ đứng chờ khoảng 02 tiếng không thấy Kh về trả xe thì cùng đi bộ ra đường lớn thì gặp Kh, H đòi xe Kh, Kh nói: L đi rồi, tỳ tao có trách nhiệm trả ngay. Sau đó Kh chở anh M, H, Đ về nhà bạn ở xã NC, sau đó Kh chở Đ đi đâu anh M không biết. Theo anh Minh, chiếc xe H đi là xe dạng Wave màu xanh, H nói với anh M là xe H mượn của anh ruột.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSTH ngày 02/8/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải L từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Kh từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hiền L1 từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Đ xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 18h00' ngày 13/5/2021 tại khu đô thị TD thuộc thôn CG, xã TG, huyện T1, Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1 đã bàn bạc, cùng nhau lừa anh Nguyễn Văn H để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ware α màu xanh đen bạc không biển kiểm soát trị giá 9.800.000 đồng để đem đi đặt để vay tiền tiêu xài cá nhân.

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại là anh Nguyễn Văn H; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 17/5/2021; Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, khoảng 18h00' ngày 13/5/2021 tại khu đô thị TD thuộc thôn CG, xã TG, huyện T1, Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1 đã bàn bạc, cùng nhau lừa anh Nguyễn Văn H để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ware α màu xanh đen bạc không biển kiểm soát trị giá 9.800.000 đồng để đem đặt lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 174: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ H quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để người bị hại tin tưởng, giao tài sản cho các bị cáo để các bị cáo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của

mình gây ra để giáo dục riêng với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tự nguyện tiếp nhận ý chí của nhau. Bị cáo Trần Văn Đ là người khởi xướng, trực tiếp rủ Nguyễn Hải L và Nguyễn Đăng Kh tham gia. L bàn bạc với Đ từ đầu, thông tin cho Lê Hiền L1 biết việc lừa H, tham gia tích cực trong suốt quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Kh là người trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo. L1 là người giúp sức để các bị cáo khác lừa lấy xe của H, đồng thời là người đem xe đi đặt lấy tiền và sử dụng phần lớn số tiền do đặt xe của H mà có (tổng chung 500 nghìn, tiền một mình 02 triệu đồng). Vì vậy, Đ là người phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. L đứng thứ hai, L1 và Kh có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự Khn hòng của pháp luật. Bị cáo Đ là người chưa thành niên đến ngày phạm tội mới 16 tuổi 09 tháng 13 ngày nên mức hình phạt của bị cáo không quá $\frac{3}{4}$ so với mức hình phạt mà điều luật quy định. Bị cáo Kh được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.3] Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo Đ là người chưa thành niên, các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Trong vụ án này còn có anh Chu Tuấn V là người đã cho L1 vay tiền và giữ lại chiếc xe mô tô các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của anh H để làm tin. Tuy nhiên anh V không biết chiếc xe là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử đối với anh V là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự; anh Chu Tuấn V không có yêu cầu gì về số tiền đã cho vay nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã quản lý và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp 01 xe mô tô nhãn hiệu Ware α màu xanh, số khung xx, số máy yy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải L 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Kh 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hiền L1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp 01 xe mô tô nhãn hiệu Ware α màu xanh, số khung xx, số máy yy.

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đăng Kh và Lê Hiền L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/8/2021; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Đồng Ngọc Huyền